**ỦY BAN NHÂN DÂN** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **TỈNH QUẢNG TRỊ** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: /ĐA- UBND *Quảng Trị, ngày tháng 9 năm 2021*

 **DỰ THẢO**

**ĐỀ ÁN**

**Đào tạo nghề phục vụ các Khu công nghiệp, Khu kinh tế**

**Giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030**

**PHẦN THỨ NHẤT**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

1. Trong thời gian qua, công tác xúc tiến đầu tư được quan tâm đẩy mạnh, nhờ vậy, đã thu hút được nhiều doanh nghiệp đăng ký đầu tư vào các KCN, KKT. Tính đến tháng 12 năm 2020, BQL Khu kinh tế đã tham mưu cho UBND tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 26 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là 12.330 tỉ đồng, đạt 216% so với kế hoạch (26/12 dự án), tăng 70% so với năm 2019 (26/15 dự án); 8 dự án khởi công, triển khai xây dựng, đạt 114% so với kế hoạch (8/7 dự án); 6 dự án khánh thành, đưa toàn bộ dự án vào hoạt động, đạt 120% so với kế hoạch (6/5 dự án); 7 dự án chưa hoàn thành nhưng đưa vào hoạt động một phần. Lũy kế đến nay tại các KCN, KKT có 172 dự án đã cấp quyết định chủ trương đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đầu tư là 97.404 tỉ đồng, trong đó 108 dự án đã đi vào hoạt động, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 10.135 tỉ đồng; 64 dự án đang xây dựng, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 87.269 tỉ đồng; 63 dự án đang nghiên cứu với tổng vốn dự kiến đăng ký đầu tư là 237.090 tỉ đồng, trong đó có một số dự án động lực, quy mô lớn của các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào KKT Đông Nam của tỉnh. Cùng với số vốn lớn và tiến độ triển khai nhanh các dự án trên địa bàn đã và đang tạo ra áp lực về tuyển dụng, cung ứng nguồn nhân lực.

 2. Theo số liệu khảo sát, các doanh nghiệp đầu tư vào các KCN, KKT có nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo rất cao. Tuy nhiên, công tác đào tạo nhân lực phục vụ cho KCN, KKT trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Vì vậy, dẫn đến tình trạng thiếu lao động tại các KCN, KKT; các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động khó tuyển dụng đủ số lượng và đúng tay nghề theo yêu cầu. Mặt khác, lực lượng lao động chưa qua đào tạo lớn, thiếu lao động lành nghề, có chuyên môn kỹ thuật cao nên các doanh nghiệp hầu như phải tuyển lao động phổ thông và đào tạo ngay trên dây chuyền sản xuất của mình hoặc tuyển lao động từ các địa phương ngoài tỉnh.

3. Việc xây dựng Đề án “***Đào tạo nghề phục vụ cho các KCN, KKT***” là cần thiết, cấp bách và có tính thực tiễn trong giai đoạn hiện nay, nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp sản xuất ổn định, nhất là trong bối cảnh Quảng Trị đang đẩy mạnh triển khai nhiều dự án lớn tại các KCN, KKT trên địa bàn. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng để cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh hướng tới sự phát triển bền vững của các KCN, KKT, tạo đà cho phát triển vùng và đào tạo được đội ngũ công nhân có tay nghề, góp phần cho việc cải thiện nguồn nhân lực của địa phương. Đồng thời, từng bước giải quyết hợp lý và ngày càng tốt hơn mối quan hệ cung - cầu lao động cho các KCN, KKT trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

**II. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

1. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII;

2. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

3. Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014;

4. Nghị định số [29/2008/NĐ-CP](https://vanbanphapluat.co/nghi-dinh-29-2008-nd-cp-khu-cong-nghiep-khu-che-xuat-khu-kinh-te) ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

5. Nghị định số [164/2013/NĐ-CP](https://vanbanphapluat.co/nghi-dinh-164-2013-nd-cp-sua-doi-29-2008-nd-cp-khu-cong-nghiep-khu-che-xuat-va-khu-kinh-te) ngày 12/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [29/2008/NĐ-CP](https://vanbanphapluat.co/nghi-dinh-29-2008-nd-cp-khu-cong-nghiep-khu-che-xuat-khu-kinh-te) ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

6. Quyết định số 42/2015/QĐ-TTg ngày 16/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị;

7. Quyết định số 1936/QĐ-TTg ngày 11/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

8. Quyết định số [1229/2010/QĐ-TTg](https://vanbanphapluat.co/quyet-dinh-129-2005-qd-ttg-thanh-lap-ban-quan-ly-khu-cong-nghiep-tinh-quang-tri) ngày 19/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị;

9. Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 cuả Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”

10. Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới;

11. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

12. Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển khu kinh tế Đông Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

13. Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

14. Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

15. Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế, Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

16. Kế hoạch số 3882/KH-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới

17. Kế hoạch số 1967/KH-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh thực hiện Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

18. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ ngành trung ương liên quan đến công tác đào tạo nguồn nhân lực và các chính sách đào tạo nguồn nhân lực của Trung ương và địa phương.

**III. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC**

**1. Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực**

*1.1. Về mạng lưới cơ sở GDNN:*

Những năm qua, hệ thống các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển về quy mô, từng bước đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Toàn tỉnh hiện có 16 cơ sở GDNN và các đơn vị, doanh nghiệp tham gia hoạt động GDNN được phân bổ ở tất cả các huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, có 12 đơn vị công lập, gồm: 02 trường Cao đẳng; 01 trường Trung cấp nghề GTVT và 09 Trung tâm GDNN-GDTX; 04 cơ sở GDNN tư thục gồm:trường Trung cấp Mai Lĩnh, Trung cấp tổng hợp Asian; Trung tâm GDNN Mạnh Linh và Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe và 12 đơn vị tham gia hoạt động GDNN. Ngoài ra, còn có các trung tâm khuyến công, khuyến nông và một số đơn vị tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nhiều cơ sở sản xuất, hộ cá thể tổ chức đào tạo nghề theo hình thức kèm nghề gắn với tạo việc làm tại chổ cho người lao động.

*1.2. Cơ cấu ngành nghề đào tạo:*

- Quy mô, cơ cấu nghề đào tạo được mở dần theo nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, yêu cầu sản xuất kinh doanh và đòi hỏi của thị trường với danh mục gồm 104 ngành, nghề đào tạo ở các cấp trình độ; cùng với việc đào tạo các nghề phục vụ cho các KCN, KTT, các cơ sở GDNN đã đào tạo các nghề phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn và giải quyết việc làm cho người lao động theo Nghị quyết số 04/NQ-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp của địa phương; quy mô tuyển sinh học nghề bình quân hàng năm đạt trên 11.000 người ở các cấp trình độ và có trên 83% lao động sau đào tạo được giải quyết việc làm, cho thu nhập ổn định.

- Ngành nghề đào tạo tại các trường Trung cấp, cao đẳng gồm: Điều dưỡng, hộ sinh, Công nghệ ô tô, May thời trang, Kỹ thuật xây dựng, Điện công nghiệp, Kế toán doanh nghiệp, Vận hành máy thi công nền, Cắt gọn kim loại, Công nghệ hàn, Bảo trì và sữa chữa máy tính; Nghiệp vụ giao thông, Lái xe, Xây dựng cầu đường,…

- Ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn: (1) Lĩnh vực phi nông nghiệp: May công nghiệp, điện công nghiệp, điện dân dụng, hàn, sửa chữa, vận hành máy nông - ngư nghiệp, kỹ thuật xây dựng, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, kỹ thuật chế biến món ăn, thêu ren, kỹ thuật sản xuất chổi đót, vận hành máy thi công công trình, lái xe ô tô, tin học văn phòng, xoa bóp bấm huyệt, chăm sóc da, thiết kế tạo mẫu tóc, trang điểm thẩm mỹ… (2) Lĩnh vực nông nghiệp: Trồng rau an toàn, kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác mũ cao su, nhựa thông, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ném, kỹ thuật trồng nấm, kỹ thuật trồng cây ăn quả, kỹ thuật trồng hoa, kỹ thuật trồng chăm sóc/ thu hoạch cà phê, hồ tiêu, kỹ thuật phòng trừ bệnh cho trâu/bò/dê, kỹ thuật sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi trang trại, nuôi ong lấy mật, nuôi gà thả vườn,…

*1.3. Quy mô đào tạo*

 ***Đơn vị tính: người***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Chia theo trình độ** |
| **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp/D3T** |
| 2016 | 7.487 |  0 | 1.508 | 5.979 |
| 2017 | 9.637 | 339 | 757 | 8.541 |
| 2018 | 12.423 | 601 | 819 | 11.003 |
| 2019 | 15.443 | 209 | 1.048 | 14.186 |
| 2020 | 14.568 | 173 | 730 | 13.665 |
| **Cộng** | **59.558** | **1.322** | **4.862** | **53.374** |

*1.4. Đội ngũ tham gia công tác đào tạo nghề:*

 Tổng số giảng viên, giáo viên, người dạy nghề và cán bộ quản lý tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh là 283 người.Trong đó: Trình độ tiến sỹ: 03 người; thạc sỹ 77 người; đại học 165 người; 100% giáo viên đạt chuẩn kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm. Sau khi thực hiện chủ trương sáp nhập các Trung tâm thành Trung tâm GDNN-GDTX theo Quyết định số 940/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh, nhờ làm tốt công tác bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ giáo viên của các trung tâm đến thời điểm này đảm bảo về số lượng và yêu cầu để thực hiện nhiệm vụ đào tạo. Ngoài ra, còn có một lực lượng lớn là cán bộ kỹ thuật, công nhân, nông dân sản xuất giỏi, người có tay nghề cao tham gia ĐTN cho lao động nông thôn.

*1.5. Cơ sở vật chất trang thiết bị:*

- Thực hiện Quyết định 683/QĐ-SLĐTBXH ngày 5/6/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về việc Phê duyệt danh sách các cơ sở được hỗ trợ đầu tư theo chính sách quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020 và Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Theo đó, tỉnh Quảng Trị có 05 cơ sở đơn vị được hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2016- 2020, bao gồm: Trung tâm GDNN-GDTX huyện Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Hướng Hóa và Thị xã Quảng Trị.

- Từ năm 2016 đến 2020, UBND tỉnh đã phân bổ 29,2 tỷ đồng từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu để đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo cho các cơ sở GDNN, đến nay, các cơ sở GDNN cơ bản đã hoạt động ổn định và đang từng bước tháo gỡ khó khăn, phát huy cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề sẵn có để phục vụ cho công tác đào tạo.

 - Một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và các cơ sở khác có đăng ký tham gia đào tạo nghề cũng đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho công tác đào tạo (Cty May Hòa Thọ - KCN Nam Đông Hà; Cty May Gio Linh – KCN Quán Ngang; Cty CP may phát triển Miền Trung – KCN Tây bắc Hồ Xá).

*1.6. Kinh phí đầu tư cho công tác đào tạo*

 ***Đơn vị: Triệu đồng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn kinh phí** |
| **NSTW** | **NSĐP** |
| 2016 | 4.900 | 3.140 | 1.760 |
| 2017 | 5.510 | 5.000 | 510 |
| 2018 | 6.720 | 5.720 | 1.000 |
| 2019 | 7.000 | 6.000 | 1.000 |
| 2020 | 9.000 | 7.000 | 2.000 |
| **Cộng** | **33.130** | **26.860** | **6.270** |

**2. Đào tạo nghề chất lượng cao trong GDNN**

*2.1. Quy hoạch ngành, nghề trọng điểm và đầu tư trang thiết bị*

 Giai đoạn 2016- 2020, tỉnh Quảng Trị có trường Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị và trường Trung cấp nghề GTVT nằm trong danh sách phê duyệt trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm theo Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH. Từ năm 2017 đến nay, kinh phí từ Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN” thuộc Chương trình mục tiêu GDNN- Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016- 2020 hỗ trợ cho các trường trên 23,2 tỷ đồng. Với mục tiêu cụ thể của Dự án là đầu tư thiết bị cho nghề trọng điểm, đây là biện pháp có tính chiến lược thông qua việc trang bị hiện đại hoá và đồng bộ trang thiết bị đào tạo nghề nghiệp. Với hệ thống nhà xưởng, phòng thực hành và những trang thiết bị công nghệ tiên tiến tạo điều kiện cho công tác đào tạo tại các trường Trung cấp, Cao đẳng và một mặt đáp ứng nhu cầu của người học góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá của địa phương, mặt khác sự đầu tư này sẽ tạo nên sự phát triển đồng bộ trong hệ thống trường cao đẳng, trung cấp cả nước.

*2.2. Cơ cấu Ngành nghề trọng điểm được phê duyệt:*

- Trường cao đẳng Y tế: Cấp độ quốc gia gồm: Điều dưỡng và Dược.

- Trường Trung cấp NN&PTNT, trường Trung cấp nghề Quảng Trị (nay là Trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị): (1) cấp độ Asian gồm: Điện công nghiệp, hàn; (2) cấp độ quốc gia gồm: Điện tử dân dụng, Chăn nuôi - Thú y, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Lâm nghiệp.

- Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải Quảng Trị có 02 ngành nghề ở cấp độ quốc gia gồm: Xây dựng cầu đường bộ, Công nghệ ô tô.

 *2.3. Quy mô đào tạo tuyển sinh ở các trường có ngành nghề trọng điểm*

 ***Đơn vị tính: người***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Chia theo trình độ** |
| **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp/D3T** |
| 2016 | 3.489 |  0 | 1.183 | 2.306 |
| 2017 | 4.259 | 332 | 292 | 3.635 |
| 2018 | 5.429 | 601 | 482 | 4.346 |
| 2019 | 5.693 | 196 | 549 | 4.948 |
| 2020 | 8.256 | 158 | 336 | 7.762 |
| **Cộng** | **27.126** | **1.287** | **2.842** | **22.997** |

*2.4. Đội ngũ nhà giáo các trường có ngành nghề trọng điểm*

 Tổng số giảng viên, giáo viên, người dạy nghề và cán bộ quản lý tại các trường có ngành nghề trọng điểm: là 139 người. Trong đó: Trình độ tiến sỹ: 02 người; thạc sỹ 63 người; đại học 51 người; cao đẳng 04 người; trung cấp: 19 người. Giáo viên đạt chuẩn kỹ năng nghề dạy thực hành trình độ trung cấp: 41 người, cao đẳng 77 người. Giáo viên đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ trung cấp: 44 người, cao đẳng: 102 người.

**3. Nguồn nhân lực và đào tạo nghề cho các KCN, KKT**

*3.1. Nguồn nhân lực tại các KCN, KKT:*

 Quảng Trị hiện có 02 KKT và 03 KCN nằm trong quy hoạch phát triển các KCN, KKT ở Việt Nam, bao gồm: Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo (huyện Hướng Hóa), Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh); KCN Nam Đông Hà (thành phố Đông Hà), KCN Quán Ngang (huyện Gio Linh), KCN Tây Bắc Hồ Xá (huyện Vĩnh Linh). Với tổng số lao động trong hiện đang làm việc tại các KCN, KKT là 7.500 người, trong đó: lao động có trình độ đại học: 242 người (chiếm 3,23%) cao đẳng: 112 người (chiếm 1,5%), trung cấp: 204 người (chiếm 2,8%); lao động đã qua đào tạo nghề trình độ sơ cấp: 3.750 người (chiếm 50%); lao động phổ thông chưa qua đào tạo là 2.511 (chiếm 33,5 %).

*3.2. Cơ cấu ngành nghề và quy mô đào tạo trong KCN, KKT:*

Giai đoạn 2016 – 2020, đã triển khai các lớp đào tạo nghề May công nghiệp cho 2.830 lao động trong các KCN, KKT trên địa bàn với tổng kinh phí hỗ trợ đào tạo là 5.893.200.000đ.

**VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm**

*1.1. Nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh:*

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm thông qua việc triển khai nhiều chính sách, đề án đã mang lại nhiều kết quả thiết thực, làm cơ sở thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển nguồn nhân lực thời kỳ 2021-2030; Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN được mở rộng và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo; các ngành nghề đào tạo được rà soát, bổ sung thường xuyên phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, hình thành mạng lưới đào tạo nghề đa dạng, cung cấp nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, tạo việc làm và tìm việc trong các doanh nghiệp; Đội ngũ nhà giáo từng bước đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để phục vụ công tác đào tạo nghề.. Công tác quy hoạch mạng lưới trường chất lượng cao, nghề trọng điểm đã thực hiện kịp thời, làm cơ sở cho việc chuẩn bị, tổ chức đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế, cũng như đáp ứng nhu cầu của các KCN, KKT. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo trong các cơ sở GDNN nói chung, trong các trường được quy hoạch thành trường chất lượng cao được đầu tư, cải thiện và từng bước hiện đại.

*1.2. Nguồn nhân lực tại các KCN, KKT:*

Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển các KCN, KKT được địa phương quan tâm và xem đây là một trong những giải pháp tăng cường thu hút đầu tư, tạo đà cho phát triển vùng và đào tạo được đội ngũ công nhân có tay nghề, góp phần cho việc cải thiện nguồn nhân lực của địa phương. Các doanh nghiệp FDI đầu tư vào KCN, KKT sẽ là cầu nối hội nhập, tạo ra áp lực cho bộ máy hành chính ngày càng năng động và hệ thống doanh nghiệp của tỉnh cũng tự cải thiện năng lực cạnh tranh ngày càng cao, góp phần đáng kể cho tăng trưởng kinh tế của địa phương. Lực lượng lao động hiện tở các KCN, KKT đã được quan tâm đào tạo và không ngừng được nâng cao về chất lượng và số lượng; ý thức tổ chức kỷ luật không ngừng được cải tiến, từ đó làm cho năng suất lao động được nâng lên.

**2. Những tồn tại, khó khăn, hạn chế**

*2.1. Tồn tại, khó khăn, hạn chế:*

- Hệ thống các cơ sở GDNN chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề, chuyên môn ngày càng tăng của các doanh nghiệp, lao động việc làm trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, may công nghiệp vẫn còn cao, trong tổng số lao động đang làm việc trong ngành kinh tế tỉnh. Cơ cấu ngành, nghề đào tạo chưa phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà và nhu cầu của doanh nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu lao động chưa đồng bộ, nhất là lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp; chưa cân đối giữa lao động nam và lao động nữ.

*-* Cơ cấu tuyển sinh GDNN còn bất cập, chủ yếu vẫn là trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng (chiếm gần 89%), trình độ trung cấp, cao đẳng chỉ (chiếm gần 11%). Tỷ lệ đào tạo nghề cho các KCN, KTT đạt 4,75% (2.830 lao động) so với tổng số 59.558 lao động được đào tạo nghề trên địa bàn. Trình độ đào tạo cao đẳng, trung cấp đạt thấp, chỉ 10,4% (6.184 học sinh, sinh viên). Tình trạng mất cân đối trong cơ cấu ngành nghề đào tạo chậm được khắc phục, chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực của xã hội. Việc triển khai đào tạo chất lượng cao (phát triển nghề trọng điểm, trường nghề chất lượng cao) còn chậm theo tiến độ. Một số ngành nghề được lựa chọn là nghề trọng điểm của trường chất lượng cao nhưng rất khó tuyển sinh. Chất lượng đào tạo của một số cơ sở GDNN mặc dù đã được cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao. Việc gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo còn hạn chế.

- Chương trình, giáo trình đào tạo của các cơ GDNN chưa đáp ứng được với yêu cầu của thị trường lao động. Kỹ năng thực hành của nhà giáo tại một số cơ sở GDNN còn hạn chế, chưa đảm bảo thực hiện việc dạy học tích hợp; tỷ lệ giáo viên chuẩn hóa về chuyên môn nghiệp vụ còn thấp.

*-* Chất lượng nguồn nhân lực tại các KCN, KKT vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, số lượng người lao động được đào tạo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật chỉ chiếm số ít, chủ yếu đào tạo ở trình độ sơ cấp, một số ngành nghề đào tạo chưa phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế, nhu cầu của doanh nghiệp đầu tư vào các KCN, KKT, tập trung chủ yếu ở ngành May công nghiệp và chất lượng đào tạo vẫn còn thấp. Phần lớn lao động trong KCN, KKT là lao động phổ thông, chủ yếu được các doanh nghiệp tự đào tạo và sử dụng.

- Nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ cho đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu (chỉ đạt 18,93% trong tổng kinh phí đào tạo và đạt 23,35% so với nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương đã bố trí). Kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn để phục vụ công tác đào tạo còn thấp.

*2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:*

a) Nguyên nhân chủ quan:

- Chưa có quy hoạch, dự báo nguồn nhân lực, bao gồm cả nhân lực chất lượng cao sát với thị trường lao động. Các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN vẫn còn bất cập; nguồn lực đầu tư cho GDNN nói chung, cho đào tạo nhân lực chất lượng cao nói riêng còn thấp. Ngân sách nhà nước đầu tư cho GDNN những năm gần đây tuy có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo chất lượng cao;

- Cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, bố trí, sử dụng nguồn nhân lực cho KCN, KKT còn bất cập, chưa đủ sức hấp dẫn, động viên, khuyến khích phát triển tài năng và chưa tạo ra được sự chủ động, tích cực của từng doanh nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong giải quyết việc làm còn hạn chế;

- Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông được quan tâm triển khai nhưng hiêu quả mang lại chưa cao, tỷ lệ còn thấp, gây lãng phí kinh phí và nhân lực;

- Chưa có kế hoạch cụ thể trong việc xác định danh mục nghề đào tạo, chương trình đào tạo, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo cũng như xác định nhu cầu và khả năng sử dụng lao động thực tế tại các doanh nghiệp trong các KCN, KKT trên địa bàn.

 b) Nguyên nhân khách quan

 - Hầu hết các Doanh nghiệp tại các KCN, KKT hiện tại đa phần là doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa có nhu cầu cấp bách về lao động nên chưa chú trọng đến công tác đào tạo nhân lực và chưa dự báo đầy đủ về yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, do đó thiếu chủ động trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực cho chính doanh nghiệp của mình; trình độ, kỹ năng nghề của lao động địa phương còn yếu ảnh hưởng đến công tác tạo việc làm cho lao động sau đào tạo và hạn chế sự tham gia của các doanh nghiệp.

- Môi trường và điều kiện làm việc tại các doanh nghiệp KCN, KKT chưa tạo sự hấp dẫn đối với nguồn lực có chất lượng cao, làm hạn chế khả năng thu hút lao động có tay nghề cao phục vụ yêu cầu của doanh nghiệp.

 - Ngân sách địa phương còn khó khăn nên việc bố trí kinh phí đầu tư cho công tác đào tạo và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề vẫn còn thấp.

**PHẦN THỨ HAI**

**DỰ BÁO, ĐỊNH HƯỚNG, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

**VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**I. DỰ BÁO NHU CẦU LAO ĐỘNG, CƠ CẤU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ NGÀNH NGHỀ**

1. Dự báo giai đoạn 2021 - 2025 có khoảng 50 dự án đã đăng ký đi vào hoạt động, hằng năm tạo việc làm khoảng 5.000 - 10.000 lao động; đến 2025 tổng số lao động trên địa bàn KCN, KKT ước tính khoảng 15.000 - 20.000 người. Đến năm 2030, nâng tổng số dự án đi vào hoạt động ước khoảng 100 dự án, dự báo tổng số lao động tại các KCN, KKT từ 25.000 - 30.000 người.

2. Cơ cấu sử dụng lao động và cơ cấu ngành nghề tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: Công nghiệp điện – Năng lượng; Nông – Lâm – Ngư; Chế biến và bảo quản; Công nghiệp; Xây dựng cơ sở hạ tầng; Kinh doanh – Dịch vụ du lịch; May công nghiệp.

**II. QUAN ĐIỂM**

1. Đào tạo nghề phục vụ các KCN, KKT là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là giải pháp tạo đột phá về chất lượng, tăng nhanh số lượng đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương; là yếu tố hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân trước xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

2. Đào tạo nghề cho các KCN, KKT phải đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với thực tiễn của địa phương và năng lực của các cơ sở GDNN trong từng giai đoạn.

 3. Huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội gồm: cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở GDNN, người học và doanh nghiệp. Ngân sách tỉnh đảm bảo ưu tiên kinh phí cho công tác đào tạo và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo.

**III. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Tạo bước chuyển biến rõ nét về chất lượng nguồn nhân lực; Tăng cường  đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp đáp ứng nhu cầu nhân lực lao động có trình độ tay nghề cao phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn, khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm và xuất khẩu lao động; Tuyển sinh dạy nghề trình độ sơ cấp nhằm từng bước trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao thu nhập, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng công nghiệp, dịch vụ cung cấp nhân lực cho các KCN, KKT.

**2. Mục tiêu cụ thể**

*1.2. Về quy mô đào tạo*

|  |  |
| --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Nhu cầu đào tạo chia theo trình độ** |
| **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** |
| ***2021 - 2025*** | ***118*** | ***246*** | ***2.533*** |
|  Năm 2021 | 19 | 59 | 511 |
| Năm 2022 | 21 | 41 | 446 |
| Năm 2023 | 18 | 34 | 523 |
| Năm 2024 | 24 | 68 | 615 |
| Năm 2025 | 36 | 44 | 438 |
| ***2026 - 2030*** | ***300*** | ***500*** | ***5.000*** |
| **Tổng cộng** | **418** | **746** | **7.533** |

*2.2. Về đội ngũ Nhà giáo*

- Đến 2025 100% Nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo viên dạy nghề các doanh nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ đáp ứng với công tác đào tạo.

- Đến năm 2025, 100% nhà giáo dạy các ngành, nghề trọng điểm quốc gia và khu vực ASEAN đạt chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đến năm 2025 có 60% và năm 2030 có 100% doanh nghiệp đầu tư vào các KCN, KKT thành lập Tổ đào tạo nghề của doanh nghiệp.

*2.4. Nội dung, chương trình đào tạo*

- Đến 2025 có 60% và năm 2030 có 100% trường trung cấp, cao đẳng đảm bảo nội dung, chương trình đào tạo phù hợp và có sự tham gia của doanh nghiệp trong biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo.

*2.5. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị*

- Năm 2025, 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề phục vụ các KCN, KKT.

- Đến năm 2030, trường Cao đẵng kỹ thuật Quảng Trị được công nhận là trường đạt chuẩn đào tạo chất lượng cao.

- Đến năm 2030, hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động Trung tâm thực hành tại Khu Kinh tế Đông Nam.

**VI. ĐỊNH HƯỚNG CÁC NGÀNH, NGHỀ**

1. Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, Khu dân cư dịch vụ;

2. Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp;

3. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, năng lượng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn;

4. Đầu tư sản xuất khí cụ điện; sản xuất: thiết bị, xe máy xây dựng;

 5. Sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường;

6. Sản xuất sản phẩm, linh kiện điện tử;

7. Đầu tư sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

8. Nông nghiệp công nghệ cao;

9. Chế biến nông lâm, thủy sản và chế biến thực phẩm;

10. Dự án sản xuất các sản phẩm phụ trợ, các sản phẩm là đầu vào cho các Nhà máy tại các KCN, KKT.

11. Sản xuất các loại vật liệu xây dựng;

12. Các ngành sản xuất, chế biến sử dụng nguồn nguyên liệu của địa phương;

13. May công nghiệp.

**V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Xây dựng cơ chế chính sách phục vụ công tác đào tạo nghề phục vụ các KCN, KKT**

 - Rà soát, bổ sung cơ chế phối hợp trong công tác đào tạo nghề phục vụ các doanh nghiệp vào văn bản quy phạm pháp luật về phối hợp quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế, Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

 - Xây dựng chuẩn đầu ra, đánh giá, công nhận kết quả đào tạo; kiểm tra, giám sát đối với công tác đào tạo nghề trong các KCN, KKT;

- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu GDNN phục vụ công tác tuyển sinh và đào tạo nghề trong các KCN, KKT; quy định về kết nối, liên thông dữ liệu Cung – Cầu lao động do Sở Lao động – Thương binh và xã hội quản lý với các cơ sở GDNN, doanh nghiệp trong các KCN, KKT;

- Ban hành và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy công tác đào tạo nghề phục vụ các KCN, KKTbao gồm: chính sách khuyến khích sự tham gia, đầu tư của doanh nghiệp vào công tác đào tạo nghề; chính sách hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp khi tham gia hoạt động GDNN, đồng thời nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách mới thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động GDNN, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao;

- Chính sách khen thưởng tôn vinh nhà giáo, cơ sở GDNN, doanh nghiệp, người học và cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện Đề án.

**2. Truyền nâng thông cao nhận thức về công tác đào tạo nghề phục vụ cho các KCN, KKT**

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDNN tạo sự chuyển biến về nhận thức, sự đồng thuận và huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN;

- Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT tham gia GDNN và liên thông giữa các bậc trình độ, giữa GDNN và bậc đại học; bảo đảm người đủ tiêu chuẩn và có nhu cầu được học liên thông lên trình độ cao hơn;

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý, các cơ sở GDNN, doanh nghiệp về chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; chính sách đào tạo nghề cho các KCN, KKT; các ngành nghề và cơ sở đào tạo; về ý nghĩa, vai trò của công tác đào tạo nghề trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương.… trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Xây dựng chương trình, phóng sự, các tin bài truyền thông về hoạt động GDNN, công tác đào tạo nghề trong các KCN, KKT, quảng bá các mô hình đào tạo, quảng bá các ngành nghề đào tạo, doanh nghiệp đào tạo,…

- Hàng năm, tổ chức các hoạt động nhằm cung cấp thông tin, tư vấn nghề nghiệp việc làm, định hướng phân luồng học sinh, cũng như thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp, cộng đồng, thúc đẩy công tác đào tạo nghề phục vụ KCN, KKT như: “Ngày hội tư vấn nghề nghiệp việc làm”, “Ngày hội tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp”….

- Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Đề án.

 **3. Rà soát, bổ sung các ngành nghề; biên soạn, chỉnh sửa, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo**

- Tăng cường công tác dự báo nhu cầu ngành, nghề, tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành nghề đào tạo chất lượng cao trong GDNN, phục vụ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các ngành, nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, các ngành nghề mới; thường xuyên cập nhật các nội dung đào tạo GDNN các cấp trình độ. Cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa và xây dựng mới chuẩn kiến thức, năng lực thực hiện cho các ngành nghề kịp thời đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp;

- Tiếp tục rà soát, bổ sung ngành nghề đào tạo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đề xuất Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quan tâm, bổ sung một số ngành nghề trọng điểm gắn với nhu cầu của các doanh nghiệp trong KCN, KKT;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả học tập, về thông tin việc làm, về đào tạo sau tốt nghiệp tại doanh nghiệp một cách liên tục để hoàn thiện nội dung, chương trình và phương thức dạy và học;

 - Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp trong quá trình xây dựng chuẩn đầu ra, nội dung, chương trình đào tạo đào tạo các cấp trình độ GDNN tại các cơ sở đào tạo và các chương trình đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho lao động. Gắn chặt vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp từ khâu xây dựng chương trình đào tạo, xác định yêu cầu ra đề thi gắn với vị trí việc làm, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm đến kiến thức, kỹ năng cần đưa vào đề thi, kiểm tra;

 - Ưu tiên bố trí ngân sách khoa học công nghệ cho các đề tài nghiên cứu, xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình dạy học phù hợp với yêu cầu đào tạo chất lượng cao và đáp ứng với yêu cầu cuộc CMCN 4.0.

 **4. Rà soát, xắp xếp và đầu tư xây dựng các cơ cở sở GDNN đảm bảo cho công tác đào tạo**

 - Tiếp tục rà soát, sắp xếp để quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN nói chung, cơ sở GDNN đào tạo nhân lực chất lượng cao nói riêng theo hướng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo yêu cầu phát triển về quy mô, chất lượng; chú trọng việc huy động các nguồn lực xã hội để phát triển mạng lưới các cơ sở GDNN; theo hướng mở, bảo đảm quy mô, cơ cấu, hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo;

- Ngoài ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, ngân sách tỉnh ưu tiên bố trí đầu tư  cơ sở vật chất thiết bị đạt chuẩn theo ngành, nghề cho trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị và các Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn;

 - Xây dựng chiến lược phát triển và Đề án xây dựng trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị trở thành trường đào tạo chất lượng cao vào năm 2030; ưu tiên đầu tư nguồn lực xây dựng trường Cao đẳng kỹ thuật là cơ sở chủ lực trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cung ứng cho các KCN, KKT và nền kinh tế địa phương.

 **5. Bồi dưỡng, đào tạo và** p**hát triển đội ngũ Nhà giáo**

**-** Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp đào tạo; tập trung đào tạo, bồi dưỡng kỹ sư, cử nhân, nghệ nhân, người có kỹ năng nghề cao đã làm việc tại doanh nghiệp trong các KCN, KKT về kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm trở thành nhà giáo GDNN. Thành lập các Tổ đào tạo nghề tại các doanh nghiệp;

- Huy động, khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các KCN, KKT tham gia đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên bằng hình thức tiếp nhận họ đến thực tập tại doanh nghiệp để cập nhật, nâng cao kỹ năng thực hành nghề, tiếp cận công nghệ mới.... Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa để hình thành đội ngũ cán bộ quản lý GDNN chuyên nghiệp.

 **6. Tăng cường hợp tác trong GDNN**

 - Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hợp tác trong nước, tham quan, học tập kinh nghiệm, công nghệ, mô hình triển khai hoạt động GDNN tại các quốc gia, các cơ sở đào tạo trong nước, trong khu vực và trên thế giới; Tổ chức các hội thảo, các diễn đàn về trao đổi, chia sẻ về hoạt động GDNN;

 - Tổ chức hợp tác và tranh thủ nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, tổ chức Phi chính phủ trong việc đào tạo, nghiên cứu, thử nghiệm và đầu tư các giải pháp về đào tạo trình độ cao.

 **7.** **Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được phê duyệt.**

 **-** Quan tâm cải thiện môi trường đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, lấp đầy nhanh các KCN, KKT đã hình thành. Tập trung thu hút đầu tư theo hướng chọn lọc các dự án vào các KCN, KKT là các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, sử dụng nguyên liệu, năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường;

- Xúc tiến triển khai các dự án đã đăng ký. Đẩy mạnh việc triển khai hiệu quả các chương trình kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực sẵn có, tạo ra nhiều việc làm cho lao động địa phương.

**PHẦN THỨ BA**

**HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN, CHÍNH SÁCH, NGUỒN KINH PHÍ**

**VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH**

**I. ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN**

**1.** Các doanh nghiệp, lao động trong các KCN, KKT.

**2.** Các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

 **II. CHÍNH SÁCH CỦA ĐỀ ÁN**

**1. Chính sách hỗ trợ đào tạo**

 Ngoài việc tuyển dụng các lao động đã qua đào tạo và doanh nghiệp đào tạo thông qua đơn đặt hàng với các cơ sở GDNN. Các doanh nghiệp tại KCN, KKT tiếp nhận lao động địa phương chưa qua đào tạo được ngân sách nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động theo quy định tại Điều 7, Nghị quyết số 105/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 30/8/2021 về ban hành quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

*1.2. Chính sách đối với cơ sở đào tạo*

Giai đoạn 2021 – 2025, ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề cho trường Cao đẳng kỹ Quảng Trị và 09 Trung tâm GDNN-GDTX nằm trên địa bàn có KCN, KKT cụ thể:

- Trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 20.000 triệu đồng để đầu tư trang thiết bị đào tạo nghề chất lượng cao(Không bao gồm 24.000 triệu đồng đầu tư các hạng mục theo Nghị quyết số 137/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị).

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy nghề cho 09 trung tâm GDNN – GDTX cấp huyện mua sắm trang thiết bị. Mức hỗ trợ 1.000 triệu đồng/trung tâm.

*1.3. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo*

Nhà giáo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo viên Tổ dạy nghề, cán bộ quản lý dạy nghề thuộc các doanh nghiệp trong KCN, KKT tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng do Sở Lao động –Thương binh và Xã hội tổ chức được hỗ trợ chi phí 500.000đồng/người/khoá/năm.

 **III. CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

 Tổng kinh phí triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2021- 2030 là **270.400 triệu đồng** ***(Hai trăm bảy mươi tỷ bốn trăm triệu đồng).*** Trong đó:

 1. Ngân sách Trung ương: 185.000 triệu đồng

 2. Ngân sách địa phương: 60.400 triệu đồng

 3. Nguồn khác (XHH, đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp, tài trợ,...): 25.000 triệu đồng

***(Chi tiết Phụ lục đính kèm)***

 **IV. NGUỒN KINH PHÍ VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH**

**1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án**

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn tập trung để thực hiện Đề án từ ngân sách tỉnh và các chương trình, dự án trong giai đoạn 2021- 2025 theo cơ chế hỗ trợ có mục tiêu, bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Đề án;

- Phối hợp các nguồn kinh phí của các chương trình, dự án, nguồn ngân sách Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, nguồn thường xuyên, xã hội hóa... cho công tác đào tạo nghề phục vụ các KCN, KKT, đảm bảo sử dụng kinh phí không bị trùng lắp, dàn trải phù hợp với mục tiêu của Đề án;

- Các địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm bố trí kinh phí đối ứng để thực hiện các hoạt động của Đề án theo quy định từ các nguồn: vốn đầu tư xây dựng cơ bản, các chương trình, dự án, nguồn thu sự nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác bảo đảm thực hiện mục tiêu của Đề án;

- Huy động nguồn vốn xã hội hóa và lồng ghép các nguồn lực tài chính từ các chương trình dự án, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ đầu tư tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng.

**2. Cơ chế tài chính**

- Kinh phí thực hiện Đề án từ ngân sách tỉnh bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho địa phương có KCN, KKT, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách của Đề án;

- Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình MTQG giảm nghèo; đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

 **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp huyện, các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; đề xuất, kiến nghị HĐND, UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết.

- Cụ thể hóa các nội dung của Đề án trong các Chương trình, Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

**2. Ban Quản lý Khu kinh tế**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các cấp hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục để khởi công và triển khai các dự án đã đăng ký. Xây dựng chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư, huy động các nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng vào các KCN, KKT trên địa bàn;

- Hàng năm, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp nhu cầu tuyển dụng và đào tạo của các doanh nghiệp gửi Sở Lao động –Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch đào rạo và cung ứng lao động. Chủ động thông tin về nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trong KCN, KKT đến các địa phương; hỗ trợ các địa phương tìm việc làm cho người lao động; vận động các doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào làm việc;

- Chủ trì phối hợp với các ngành, cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh về cơ chế phối hợp triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề trong các KCN, KKT trên địa bàn.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, địa phương có liên quan bố trí vốn đầu tư phát triển theo cơ chế hỗ trợ để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật; hướng dẫn quản lý đầu tư thực hiện các nội dung thuộc Đề án.

**4. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện Đề án; giao, phân bổ dự toán chi ngân sách và cấp kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

**5. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành và các tổ chức đoàn thể triển khai có hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 – 2025 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1967/KH-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh.

**6. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài PT&TH và Báo Quảng Trị**

- Tuyên truyền về tầm quan trọng của việc nâng cao nguồn nhân lực của tỉnh trên các chuyên trang, chuyên mục, tạp chí, ấn phẩm do Sở quản lý;

- Truyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập. Tuyên truyền về các hoạt động thu hút đầu tư và triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh.

**7. Ủy ban Nhân dân cấp huyện**

Đẩy mạnh triển khai công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trên địa bàn; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, phường, thị trấn trong công tác tuyên truyền, giải quyết lao động cho người dân. Tổ chức khảo sát, điều tra về nguồn cung lao động, nhu cầu học nghề của người dân; tuyên truyền giới thiệu người lao động vào làm việc tại các KCN, KKT; chỉ đạo UBND cấp xã hỗ trợ tuyển dụng lao động tại địa phương.

**8. Các cơ sở GDNN trên địa bàn**

- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá công tác học sinh, sinh viên; xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo các nghề phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chất lượng cao bảo đảm về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng, nhất là kỹ năng dạy thực hành nghề của giáo viên cho học sinh, sinh viên. Đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và các hoạt động của nhà trường.

- Trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị đẩy mạnh xã hội hóa để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo; thành lập Phòng chuyên trách hợp tác với Doanh nghiệp; tăng cường liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp trong các KCN, KKT để học sinh, sinh viên được tham gia thực hành, từ đó nâng cao chất lượng tay nghề. Chủ trì phối hợp với Sở LĐ-TB&XH và các ngành liên quan xây dựng Chiến lược phát triển trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị và tham mưu Đề án xây dựng nhà trường thành trường đào tạo chất lượng cao vào năm 2030.

**PHẦN THỨ TƯ**

 **HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

**1.** Việc ban hành và triển khai Đề án là giải pháp hoàn thiện các chính sách thu hút đầu tư vào KCN, KKT nói riêng và trên địa bàn toàn tỉnh nói chung theo hướng tập trung ưu tiên thu hút các ngành nghề, lĩnh vực có hàm lượng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường, các ngành nghề xác định là mũi nhọn phát triển và có lợi thế của Quảng Trị và phù hợp với chương trình tái cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư của địa phương. Tăng cường tính liên kết ngành trong phát triển KCN, KKT; nâng cao hiệu quả hoạt động, dần hình thành các ngành công nghiệp phụ trợ, đóng góp vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

**2.** Các doanh nghiệp FDI, các tập đoàn lớn đầu tư vào các KCN, KKT sử dụng lao động có chuyên môn kỹ thuật phù hợp với công nghệ mới áp dụng vào sản xuất đạt trình độ khu vực và quốc tế, sẽ tạo ra cơ hội đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần hình thành đội ngũ lao động của nền công nghiệp hiện đại. Đây cũng là cơ hội để các cơ sở GDNN tận dụng được các lợi ích tổ chức đào tạo linh hoạt, theo hướng cầu của nền kinh tế, tạo ra sự thay đổi có tính đột phá trong đào tạo nhân lực chất lượng cao.

**3.** Việc triển khai Đề án sẽ góp phần hình thành mô hình liên kết đào tạo và sử dụng nhân lực giữa các KCN, KKT và các cơ sở GDNN trên địa bàn, góp phần quan trọng giải quyết tình trạng thiếu lao động kỹ thuật hiện nay trong các KCN, KKT. Qua đó góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người lao động địa phương.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, t.phố;- Các Trường,Trung tâm GDNN-GDTX;- Các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;- Chánh, các PVP, CV;- Lưu: VT, VX. |  **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** |